

## Mối quan hệ làng, họ và gia đình truyền thống

PHAN ĐẠI DOÃN\*

NGUYỄN QUANG NGỌC\*\*

Cuộc Sống của gia đình truyền thống người Việt không thể tách rời làng và họ. Có thể nói làng, họ và gia đình là 3 yếu tố hòa quyện vào nhau, chi phối lẫn nhau. Trong cuộc sống hàng ngày của từng cá nhân đặc biệt trong thời kỳ đột xuất có cưới xin, tang ma, hội hè, đình đám thì họ và làng có vai trò rất quan trọng. Chúng tôi cho rằng tìm hiểu gia đình truyền thống người Việt không thể không đề cập đến họ và làng.

Trên quan điểm như vậy, bài viết này dựa vào tư liệu một làng ở đồng bằng sông Hồng, làng Xuân Cầu - khảo tả các yếu tố trên như những thứ lớp trong một hệ thống, một thực thể. Chúng tôi tự đặt nhiệm vụ xin trình bày những sự thực khách quan cho đến giữa thế kỷ XX. Phần nhận xét của tác giả xin để sau này.

### I

Làng Xuân Cầu xưa thuộc huyện Văn Giang tỉnh Hải Dương, nay thuộc xã Nghĩa Trụ huyện Mỹ Văn tỉnh Hải Hưng. Từ Hà Nội theo dọc đường quốc lộ V tới Hải Phòng đến cây số 2 1 rẽ phía phải khoảng 500m là đến địa phận làng này.

Xuân Cầu bên đường V, vốn là con đường cổ từ Thăng Long về trấn lý Hải Dương cũ (thị xã Hải Hưng), lại nằm sát bờ sông Nghĩa Trụ, một đường thủy quan trọng trong các tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên xưa. Theo sông Nghĩa Trụ, người Xuân Cầu có thể tới Gia Lâm, Đông Anh lên xứ Bắc, hay đến Khoái Châu, Mĩ Hào sang xứ Đông, hoặc ngược lại nhân dân các nơi theo sông Nghĩa Trụ tới Xuân Cầu. Đường bộ và đường sông là mạch giao thông lớn khiến cho Xuân Cầu thành nơi giao lưu kinh tế - văn hóa nhộn nhịp. Xã hội Xuân Cầu từ mấy thế hệ trước không còn đóng kín khép chặt.

Cũng như hầu hết các làng quê Bắc Bộ, nguồn sống chính của dân Xuân Cầu là nông nghiệp.

Ruộng đất ở đây pha nhiều cát, độ phì không cao (cho đến năm 1987, cũng chỉ mới gần 5 tấn/1 ha). Làm được cân thóc cân khoai phải đổ sức lao động khá nhiều.

Cho đến giữa thế kỷ XX ruộng *đất công* của làng phân chia cho các đình nam theo chế độ quân điền chỉ còn 16 mẫu 6 sào Bắc Bộ. Cải cách ruộng đất, mỗi nhân đình từ 18 tuổi trở lên chỉ nhận được 10 thước. Người nhận loại ruộng này đến 50 tuổi thì phải trả lại cho làng để phân cho người khác.

Xuân Cầu còn mấy loại ruộng sau đây:

- *Ruộng đình* có 40 mẫu, chia đều cho các giáp thuộc thôn Tam Kỳ cày cấy. Người đăng cai tế chính thần và các vị á thần vào ngày 25 tháng 2 âm lịch thì được cày 1 mẫu. Khoán ước làng ghi rõ: "hàng năm phải nộp 400 đấu cho làng, nếu gặp năm mất mùa thì tùy lượng". Số ruộng này được bảo lưu khá chặt chẽ, đến giữa thế kỷ này vẫn còn.

- *Ruộng chùa* có 30 mẫu, phân chia cho 3 xóm cày cấy. Hoa lợi dùng trong ngày lễ chùa và ngày hội chùa ngày 1 tháng 4 hàng năm (theo âm lịch).

- *Ruộng tư vấn*, có vào cuối thế kỷ XVII được duy trì đến năm 1945, số lượng khoảng vài mẫu. Hoa lợi trừ phần người cày, còn lại chi phí cho sinh hoạt hội, tế Khổng tử cùng các tiên hiền của làng và một phần giúp cho học trò nghèo.

- Ruộng họ là ruộng của dòng họ. Xuân Cầu có 17 dòng họ lâu đời. Họ nào cũng có ruộng, nhiều im vài ha mẫu như họ Tô, họ Quán, họ Nguyễn; ít cũng 2-4 sào.

- *Ruộng hậu cổ* nguồn gốc từ những người không có con trai hay tuyệt tự cúng vào chùa và vào nhà thờ họ.

---

\* Giáo sư Sử học. Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội

\*\* Phó tiến sĩ Sử học. Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội

Số ruộng này theo thời gian không bị giảm sút mà có lúc tăng thêm.

-*Ruộng Giáp* là ruộng của các giáp trong làng. Các thành viên trong giáp lần lượt được làm trùm giáp trăm 1 năm thì được cày ruộng giáp hoa lợi chia đôi. 1 cho người cày và 1 để cho giáp. - *Ruộng hậu dân* (hậu đình). Đến đầu thế kỷ này, Xuân Cầu có 9 mẫu, đặt dưới quyền của trùm chạ quản lý.

- *Ruộng đồng môn*, do môn sinh góp tiền mua ruộng để cúng giỗ thầy học.

Ngoài các loại ruộng trên, Xuân Cầu còn có một số loại ruộng khác là: *ruộng u đình*, (1 mẫu), *ruộng khánh tiết* còn gọi là ruộng xôi gà, *ruộng đông chí*, *ruộng cơm mới*, *ruộng quan viên* (2 sào), *ruộng trùm*.

Nêu lên 16 loại ruộng trong đó có công điền và nửa công tư 5 là để thấy mỗi một loại ruộng là cơ sở vật chất cho một loại quan hệ của một bộ phận dân cư trong cộng đồng làng Xuân Cầu. 16 loại ruộng là 16 loại quan hệ, mà thực chất là những liên kết về tín ngưỡng, dòng họ, nghề nghiệp, láng giềng (xóm giáp) và cả thầy trò.

Tất nhiên Xuân Cầu còn có ruộng đất tư hữu nhiều hơn tổng số các loại ruộng trên. Sở hữu loại ruộng đất tư này manh mún, mỗi thửa chỉ một vài sào.

Cũng giống như nhiều làng ở đồng bằng sông Hồng, Xuân Cầu có nhiều nghề thủ công. Nghề nhuộm thâm ở đây khá lâu đời. Dư đồ chỉ của Nguyễn Trãi ghi: "làng Huê Cầu nhuộm thâm. . . Huê Cầu thuộc huyện Văn Giang, làng ấy cung ứng đồ cống phú cho Trung Quốc là 200 tấm vải thâm" (1).

Dầu thế kỷ XX nghề nhuộm thâm bị tàn đũ vì không cạnh tranh nổi với hàng ngoại, dân Xuân Cầu lại chuyển sang nghề nhuộm đen. Nhưng nghề này cũng chỉ duy trì đến những năm 50.

Nghề nhuộm Xuân Cầu tồn tại qua nhiều thế kỷ. Có lúc nghề nhuộm đã là một nghề độc lập của một bộ phận dân làng, tách khỏi nghề nông, chủ yếu là những người đi làm nghề ở các chợ làng trên các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Còn phần lớn thì nhuộm vải cũng chỉ là kết hợp với nông nghiệp mà dân địa phương coi là nghề phụ bổ sung.

Xuân Cầu còn có nghề đan lưới đánh cá. Sách *Kinh bác phong thổ ký* chép "Xuân Cầu huyện Văn Giang có nghề đan lưới đánh cá". Trên thực tế, nghề đan lưới chỉ tồn tại trong một bộ phận dân cư, rải rác ở thôn Lê Cao. Mặt khác nhiều nhà ở Xuân Cầu còn sử dụng nguồn nước Nghĩa Trụ chở thuyền đi nhiều nơi. Một số người lại khai thác thủy sản đánh bắt cá tạo nguồn thức ăn hay bán ở chợ.

Nghề buôn bán ở Xuân Cầu phổ biến, thu hút một số lượng người khá lớn. Tại đây có chợ.

*Chợ Cầu* buôn bán nông sản phẩm, ngày nào cũng họp từ mờ sáng đến non trưa. Ngày nay chợ vẫn đông, là trung tâm thương nghiệp của xã Nghĩa Trụ. *Chợ Chi* 1 tháng 6 phiên vào các ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27 âm lịch hàng tháng. Gọi là chợ Chi vì ở đây bán chỉ, chỉ tơ tằm và 2 loại màu đen và màu vàng. Phiên chợ khá đông vui, dân các làng Ròng, Nhật Lộc, Tuấn Di xung quanh đều đến đây. Hơn 30 năm nay chợ Chi không họp nữa.

Một trung tâm bán hàng thủ công nữa là *chợ quán hàng vải* ở phía Bắc làng. Chợ hàng vải có quán ngói, 5 ngày họp 1 phiên. Mặt hàng chủ yếu là vải thâm của dân làng và nơi khác. Khách chợ hàng vải có cả người miền núi (Thái Nguyên, Tuyên Quang) về đây mua vải và bán lâm thổ sản. Chợ này duy trì đến cuối những năm 1940 thì chấm dứt.

Ngoài chợ làng, người Xuân Cầu còn mở rộng phạm vi buôn bán ra nhiều nơi. Có thể kể mấy (1) *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr 594 hình thức chủ yếu sau:

- *Loại buôn thúng bán mẹt*. Đó là những người cất hàng đi bán ở các chợ và các cô hàng xén Mặt hàng là cái kim, sợi chỉ, vải liều thuốc hoàn tán, một ít hoa quả được bày trên mẹt thúng vừa nhẹ lại gọn. Nơi ngồi hàng là các chợ quanh vùng không qua 15km như chợ Dân, chợ Ghènh, chợ Keo, chợ Cái, chợ Đình Dù v. v. . . Buôn thúng bán mẹt là công việc của phụ nữ, đến nay vẫn được duy trì.

Ở Xuân Cầu, loại buôn thúng bán mẹt không ít (Vào đầu thế kỷ này cũng có đến vài chục gia đình) nhưng trước sau vẫn là nghề phụ. Trong nhà, chồng và con trai làm nông nghiệp thì người vợ buôn bán kiếm thêm, lấy công làm lãi.

*Loại buôn chuyên*: Một bộ phận dân buôn Xuân Cầu làm nghề buôn chuyên. Họ đi Thái Nguyên, Nam Định,

Hải Phòng, Lạng Sơn. Hàng mang theo là vải, tơ, lụa. Hàng mua về là các loại thổ Bản: nầm, măng, mộc nhĩ hay cá, tôm khô miền biển. Thời gian của họ một chuyến là 10-15 ngày. Những người làm nghề buôn chuyến phần nhiều là nam giới và gần như chuyên nghiệp. Họ đi quanh năm. Công việc đồng ruộng, quản lý gia đình do phụ nữ đảm nhiệm. *Loại buôn cố định lập cửa hiệu ở các thành phố, thị trấn.*

Một số người buôn chuyến có vốn lớn dần dần lập cửa hiệu cố định. Loại buôn này phát triển vào cuối thế kỷ XIX cho đến giữa thế kỷ XX. Những người này tuy không lập thành phường hội nhưng những cửa hiệu họ thường ở gần nhau. Ở Hải Phòng, Nam Định, người Xuân Cầu thường ở thành từng dãy.

Mặc dù buôn bán xa quê hoặc có khi cư trú luôn tại các thành phố thị trấn nhưng gia đình họ vẫn không chuyển cư hết, vẫn có người ở lại làng quê. Hàng năm, người Xuân Cầu đầu buôn bán xa vẫn về quê nhà vào dịp giỗ tết hoặc lúc ma chay, cưới xin của người thân. Đối với làng, họ vẫn làm đủ mọi nghĩa vụ như một thành viên đang cư trú tại quê. Họ phải đóng thuế, chịu lính và mọi tạp dịch khác. Đến tuổi vào cai đám, làng vẫn gọi về. Nếu không về kịp gia đình phải có coi trâu, chén rượu khát trước. Dẫu ở xa, đến tuổi vào lão, nếu không có coi trâu trình làng, khi về quê làng không nhận là thành viên của hội lão.

Nghề buôn đến giữa thế kỷ XX phát triển khá cao. Một số cư dân đã hoàn toàn sống nhờ buôn bán. Nghề buôn thành một nghề độc lập và không ít người đã chuyển cư nơi khác.

Dân Xuân Cầu khá năng động, làm nhiều nghề để tạo dựng cuộc sống nhưng hầu hết vẫn chưa thể cắt đứt với mảnh ruộng và sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung họ vẫn ở dạng "hán nông, bán thương, buôn nhỏ, bán vật" là chủ yếu và phổ biến. Người đi buôn có tiền lại tậu ruộng cho gia đình, con cháu. Nói theo kiểu kinh tế học, *đây là vòng chuyển hóa quyền lực tiền tệ sang quyền lực ruộng đất, mà không phải chuyển từ tiền tệ sang công nghiệp. Về một xã hội học đây là sự duy trì, chuyển hóa thành phần thương nhân sang nông dân, điền chủ.* Trong làng xã và trong phần lớn các gia đình cũng vậy.

Xuân Cầu còn có một nghề nữa là làm *thầy đồ dạy học, thi cử làm quan*. Khoán ước làng Xuân Cầu ghi rõ vị trí của kẻ sĩ ở chốn đình trung: "ở phía trước là tiền quan, thứ đến là những người thi trúng rồi thứ nữa là các giám sinh, sinh đồ".

Không phải phần lớn dân Xuân Cầu là ông đồ là kẻ sĩ mà chỉ một số lượng ít, nhưng hầu như thời kỳ nào cũng có. Trong khoảng 150 năm, số cống sinh, cử nhân tới gần 40 người có 8 vị tiến sĩ và 3 vị phó bảng.

*Kẻ sĩ*, làm quan hay không làm quan, là hưu quan hay thầy đồ cũng là một tầng lớp cổ nghề nghiệp riêng, thu nhập riêng và có vị trí cao trong làng xã. Chức năng và trách nhiệm của ông đồ là làm thầy: thầy đồ dạy chữ Nho, nghĩa lý nho giáo, thầy thuốc, thầy cúng, thầy địa lý và cả thầy bói toán đôi khi kiêm hòa giải những xích mích mà gia đình nào cũng cần đến.

Xuân Cầu không chỉ đủ số lượng đáp ứng yêu cầu của dân làng mà còn cung cấp nhiều thầy đồ cho làng khác trong vùng. Thầy đồ Xuân Cầu nổi tiếng "hay chữ", đi nhiều nơi trong các tỉnh Bắc, tỉnh Nam mở đường dạy học với chức năng, trách nhiệm như trên. Thầy đồ là nhân vật quan trọng không thể thiếu trong làng quê. Cho đến đầu thế kỷ này, khi trường học chữ Tây, chữ Quốc ngữ mở cấp tỉnh, cấp phủ thì làng quê vẫn cần những thầy đồ trên các mặt tín ngưỡng, y tế, lý số. .

Những trình bày như trên cho chúng tôi nhận xét: làng Xuân Cầu không chỉ là làng nông, công, thương mà *thực tế có kết cấu kinh xã hội nông, công, thương, sĩ* trong nhiều thế kỷ cho đến nay. Kết cấu như vậy không chỉ trong phạm vi làng mà còn thể hiện trong gia đình. Giữa thế kỷ này, nhiều gia đình vẫn có kiểu kết cấu như vậy: có người đi buôn, người làm ruộng và người đi học để đi thi làm công chức.

Sự chi phối và quy định nếp sống, cách ứng xử xã hội của gia đình không chỉ cổ kinh tế mà còn có các tổ chức khác. Đồng thời những qui phạm trong phong tục tập quán, trong các tục lễ thành đình, khao lão, vọng quan viên, khao vào đám không bỏ sót một con người, một gia đình nào. Thậm chí những điều khoản lệ làng, lệ giáp còn quy định cho hoạt động hàng ngày từ cách xưng hô trên dưới, tổ chức tế lễ, nhiệm vụ của vợ chồng. . .

Với quan niệm như vậy, chúng tôi xin trình bày những kết cấu xã hội làng Xuân Cầu (không trình bày tổ chức chính quyền) theo chức nghiệp, địa vị xã hội và quan hệ dân cư ở đây. Kết cấu xã hội Xuân Cầu có mấy bộ

phân sau:

- *Thôn*: Làng Xuân Cầu có ba thôn là Tam Kỳ, Phúc Thọ và Lê Cao. Mỗi thôn là một khu vực riêng biệt, có hàng tre bao quanh, có công thôn và điểm canh.

- *Xóm*: Khoảng hơn chục nhà nằm gọn, là bộ phận cấu thành của thôn, cũng giống như ngõ.

Lê Cao có 2 xóm là Cao Xá và Lê Xá. Phúc Thọ có 2 xóm là xóm Đình và xóm Trại - Tam Kỳ có 4 xóm là Ngô Cà, Ngõ Ván, Sông và Chợ.

- *Giáp*: Của nam giới, phụ nữ không được vào giáp. Giáp được thành lập trên cơ sở địa vực có kết hợp với dòng họ. Trong giáp có thể có nhiều họ. Về sau, các gia đình di chuyển sang địa vực khác nhưng cha ở giáp nào thì con vẫn ở giáp ấy.

Giáp có ruộng giáp - Nam giới cứ 6 tuổi trở lên là phải vào giáp.

Xuân Cầu có hương ước. Hương ước Xuân Cầu được lập vào năm 1709, bổ sung vào năm 1740, sang thế kỷ XIX còn tiếp tục được bổ sung nữa. Hương ước làng chỉ có 13 khoản, phần lớn quy định các việc tế thần thành hoàng làng, tư cách người tham dự ở đình trung, cách ăn nói, việc đóng góp trâu cau, rượu thịt, việc sử dụng ruộng đình, ruộng tế điền và trang phục của các trai đình, các quan lại khi vào cúng tế.

Xuân Cầu còn có thêm *lệ* giáp. Phong phú và phức tạp nhất là lệ giáp Đông thôn Tam Kỳ với 26 điều lệ được chép thành văn bản năm 1775 và bổ sung thêm vào các thời Tự Đức, Đồng Khánh (cuối thế kỷ XIX). Lệ giáp Đông quy định những điều kiện "nhập giáp" của trẻ em trai 6 tuổi người lớn tuổi, người ngu cư. Lệ giáp rất quan tâm về cách đối xử với nhau, giữ gìn mối hòa thuận. Điều 6 của Lệ giáp Đông thôn Tam Kỳ quy định: "Hương đảng thi lấy việc thuận hòa làm quý. Trong giáp ta, nếu có ai cãi, chửi nhau làm thương tổn đến phong hóa thì phải nộp gà, rượu và 3 mạch tiền cỗ". Lệ giáp có nhiều quy định kiểu thức tiến hành công việc ma chay, cưới xin. Chẳng hạn điều 11 quy định "Nhà nào có con gái gả chồng trong xã thì phải nộp lang nhai (cheo) 1 quan tiền cỗ và 1 phong trâu đủ số. Nếu lấy người xã khác thì thu theo lệ khác". Trong dân gian, từ hôn nhân được gọi là "gả bán" và "cưới xin" mà nhà trai "mua" cô gái thì phải nộp tiền cho giáp, cho làng.

- *Hội tư văn* Xuân Cầu là tổ chức của kẻ sĩ trong làng, ra đời vào cuối thế kỷ XVII, tồn tại đến năm 1945. Thành viên của hội là những người Nho học cổ qua kỳ thi mà đạt nhất, nhị trường - trở lên. Vào đầu thế kỷ này lại có thêm cả người "Tây học". Hội cổ ruộng lại có lệ hội quy định các điều khoản sinh hoạt của hội và có cả văn chỉ. Lệ của hội Tư văn Xuân Cầu có 6 điều quy định về cách thức ăn mặc, cỗ bàn, trâu rượu, cả đến số lượng qua chuối, quả cau, phong trâu trong ngày lễ tế tiên hiền, Khổng Tử, Mạnh Tử và lễ tế đình (cho những thủ làng 18 tuổi). Những tư liệu trên cho biết một con người, một gia đình sống ở làng "Xuân Cầu đã chịu nhiều ràng buộc, quy định chặt chẽ của nhiều vòng lớp. ứng xử của 1 con người trong xã hội từ lúc còn nhỏ đến già nua rồi từ biệt cuộc đời trong các tình huống khác nhau đã được quy định bằng hương ước, giáp lệ, hội lệ và các vòng thôn xóm khác nhau. Nếu làng là một cộng đồng lớn thì các tổ chức xóm, giáp, hội là nhằm cộng đồng nhỏ mà mỗi một cá nhân nam giới, mỗi thành viên đều là phải lấy tư cách của cộng đồng đó mà tồn tại. Những cộng đồng này dựa vào tuổi tác, vào giới tính (là nam giới), vào nghề nghiệp và địa vị xã hội làm tiêu chuẩn dung nạp, tiếp cận.

Ở đây người ta không đề cập đến nữ giới.

## II

Một thành tố quan trọng và luôn luôn gắn ci gia đình là họ. Bằng cách nhìn dân tộc học - xã hội học thì hình như từ xa xưa dòng họ của người Việt lỏng lẻo. Các ulôl quan hệ phức tạp nội, ngoại, với các *thứ* bậc trên dưới, đẳng cấp và với sự mở rộng đồng thời thắt chặt mối quan hệ tông tộc chỉ ra đời và phát triển trong xã hội có giai cấp, cỗ nhà nước quân chủ. Chúng tôi cho rằng các tên gọi như Trần, Hoàng, Lê, Nguyễn, Phạm, Phan. . . là hiện tượng văn hoá ngoại nhập gắn liền với xu hướng củng cố dòng họ và sau đó hình thành và phát triển cái gọi là tông pháp, tông qui ở một số nơi.

Nếu xem quan hệ họ hàng của người Việt cổ giống như người Mường ở miền Tây Thanh Hoa, Hòa Bình thì có lẽ không quá mở rộng. nặng nề, phức tạp, không có thứ bậc chặt chẽ lắm, mà có thể còn rất lỏng lẻo, rời rạc.

Nhưng đầu nguồn gốc các quan hệ dòng họ hiện nay như thế nào thì chúng tôi vẫn cho rằng cho đến thế kỷ XIX, quan hệ họ hàng không phải ngày càng suy yếu, lỏng lẻo mà lại ngày càng thắt chặt hơn về chính dòng họ đã tạo các mối quan hệ về tinh thần cộng đồng đặc biệt đầu tiên và trực tiếp. Điều này cũng thể hiện ở Xuân Cầu.

Hiện nay ở Xuân Cầu có nhiều dòng họ. Cư trú tại đây hàng trăm năm thì có các dòng họ sau: Hoàng, Nguyễn, Đỗ, Ngô, Vũ, Trần, Dương, Tô, Phạm, Đặng, Cao, Quán, ứng, Lê, Đào, Lương.

- Trong từng thôn, số họ lớn được phân bố như sau (Theo thống kê của ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trụ năm 1986):

- Thôn Lê Cao chủ yếu người họ Lê (68 trong tổng số 110 hộ)

- Thôn Phúc Thọ chủ yếu người họ Quán (66 trong tổng số 157 hộ)

Thôn Tam Kỳ chủ yếu người họ Tô và họ Nguyễn

- (Trong số 166 hộ có 34 hộ họ Tô, 35 hộ họ Nguyễn).

Trong làng Xuân Cầu hai họ Nguyễn, Tô có vai trò quan trọng hơn cả. Hai họ này có nhiều người học hành và làm quan (ngày nay hai họ này cũng có nhiều cán bộ thoát ly). Các họ ở Xuân Cầu đều có nhà thờ họ, có ruộng họ. Riêng họ Tô và họ Nguyễn lại còn có lệ họ viết thành văn bản. Sau đây chúng tôi giới thiệu lệ họ của họ Nguyễn làng này (3) như một *thứ tổng pháp*:

*Điều 1:* Hàng năm cứ vào ngày 23/8 (là ngày giỗ tổ họ) thì trước đó 5 ngày, dâng cai đến thu tiền của mỗi người là 1 mạch để mua các lễ vật rồi chuẩn bị các đồ tế khí. Người trong họ phải ăn mặc chỉnh tề, tất cả phải đến nhà từ đường để làm lễ.

*Điều 2.* Những đình nam trong họ khi đã trưởng thành và lập gia đình riêng thì phải bỏ tiền ra cúng với cha mẹ, cả những người anh em chưa lập gia đình, những người ở chi ngoại phải đến nhận họ. .

*Điều 3.* Các thế hệ dòng tông do tự nhiên phân ra tuy có khác nhau nhưng mà gốc vốn là một thì phải giữ mốt ( giao tiếp, không được tranh giành từ những việc nhỏ nhặt. Nếu như có việc gì bất bình với nhau thì phải đến trình cho học tôn trưởng và phải đến họp ở từ đường. Mỗi người trong họ đến bàn những việc sai trái để mọi người nghe và phân giải tư tình, không được ngầm oán tức giận mà thành thù hằn, hiềm khích lẫn nhau, xa rời nhau. Người gây ra điều sai trái thì bị đuổi ra khỏi họ - làm như thế để đoàn kết những người trong họ.

(3) Các tư liệu về khoán ước làng, lệ giáp Đông và lệ họ Nguyễn đã được tập hợp trong tập *Hoa Cầu hương* lệ, Viện Hán Nôm, Hà Nội, ký hiệu A724.

*Điều 4.* Ở hương trưởng thì lấy điều hòa mục làm qui, nay ở trong làng thì có các hương đang ít có sự hòa mục hay có tranh giành lẫn nhau. Những người hay gây ra xích mích trong làng làm cho những kẻ khác lạng mạ tổ tiên, dòng họ. . . thì phải tạ lễ tổ tiên ở từ đường.

*Điều 5.* Ngồi dưới phải hiếu lanh với bề trên, con phải hiếu với cha mẹ, vợ chồng phải hòa mục với nhau, lấy điều hòa mục làm vui. Họ nhà ta vốn là dòng quan lại, vốn là dòng thi lễ nhưng gần đây có nhà đã bị ảnh hưởng bởi những hủ tục xấu trong làng, do đó mà phải có một bài ca diễn giải những điều để giáo dục con cháu. Từ nay về sau con không được trái lời cha mẹ, vợ chồng không được lạng mạ bà cô ông cậu, chồng mà giận vợ thì không được mắng chửi cha mẹ cũng như không được tự xưng là bậc cha mẹ mà mắng chửi con cái, động đến tổ tiên, cũng như không được nhân danh ông, bà. . . Con cái không được trái lời cha mẹ, nói dối cha mẹ, trái lời cậu cô. Tất cả những việc oan trái đó phải đem trình cho bản tộc. Người trong họ phải họp nhau lại mà răn dạy, trừng trị. Kẻ nào tái phạm thì phải làm lễ tạ tội ở từ đường.

*Điều 6.* Ai có lễ vật dâng họ thì nhà ứng trước trâu cau rồi báo cho những người trong họ trong ngày hôm đó, phải chuẩn bị thêm một hũ rượu để mời những người thân thích đến. Người nào cố ý không làm thì phải nộp phạt 1 phong trâu.

*Điều 7.* Trong họ, nếu như bậc cha mẹ hoặc người thân bên ngoại của cha mẹ cùng thân thuộc là người cô quả, những người góa vợ, góa chồng, không có con mà chết thì sau khi chết bản tộc phải ứng ra 1 hũ rượu, 1 phong trâu không, 1 quan tiền. Bó mẹ bên ngoại và những người thân nhân của những người góa vợ, góa chồng, không có con mà chết, thì sau khi chết phải trình bày với tất cả bản tộc và phải ứng đủ 1 hũ rượu, 1 phong trâu

không và 1 quan tiền tại từ đường. Người đăng cai báo cho những người trong họ đến nhà người có tang. Gia đình người có tang phải nộp 1 phong trâu, 1 hũ rượu để cho bản tộc cùng hội họp hành lễ. Trong buổi hành lễ, việc sắm sửa cỗ bàn tùy theo gia đình đó.

*Điều 8.* Những người trong họ là thân thiết, là các học kỳ hào mà chết đi, người trong họ được biết thì phải đến để phúng viếng, thăm hỏi gia đình đó. Đến khi làm lễ tang, người trong họ phải góp tiền là 5 quan, rượu 1 hũ. Người trong họ cứ chiếu theo đó mà thu cho đủ số. Đến ngay hành lễ, gia đình người có tang không thể sắm sửa được nhiều lễ khí thì bản tộc phải quyên tiền tùy nghi dùng vào việc ăn uống, cỗ bàn.

*Cánh Hưng, ngày lành tháng tám năm thứ ba (1742)*

Những tư liệu trên đã cho chúng ta biết làng Xuân Cầu là cộng đồng kinh tế xã hội nhiều nghề nghiệp, nhiều tầng lớp nông công thương sĩ, đa nguyên và hỗn hợp. Một con người, một gia đình là thành viên của họ, của xóm, của giáp, của hội và chịu sự ràng buộc của phong tục tập quán, của hương ước, lệ giáp, lệ hội, lệ họ chồng xếp. Đây là làng có kết cấu cộng đồng nhiều lớp khá *chật* nhưng giao lưu kinh tế và văn hóa thường xuyên nên làng lại *mở*. Bởi tính cộng đồng nặng nề nên vai trò của cá nhân rất nhỏ hẹp, yếu đuối. *Trong điều kiện như vậy gia đình là cơ sở giao lưu tư tưởng và hành động giữa cá nhân và xã hội.* Xã hội điều khiển con người thông qua gia đình, con người muốn hoạt động trong xã hội lại phải lấy danh nghĩa gia đình. ở Xuân Cầu cũng như nhiều nơi khác, trong một số gia đình có khá nhiều người, nhưng chỉ cần 1 tên gọi là tên của chủ gia đình (hoặc con trai của người đó đã trưởng thành) là đủ.

Trước hết trong lệ họ, ở Xuân Cầu đề cao các quan hệ tông tộc, thờ cúng tổ tiên và đặc biệt quan niệm hiếu. ở đây, hầu như họ nào cũng có nhà thờ và nhiều họ có ruộng đất và gia sản. Cũng như hầu hết các làng quê khác, tại Xuân Cầu nhà nào cũng có bàn thờ đặt ở gian giữa. Thờ cúng tổ tiên không chỉ là sự tưởng niệm ghi công, biết ơn các thế hệ trước mà còn là vì hiện tại Thờ cúng tổ tiên là dịp để họ hàng nội ngoại hội tụ cùng thắt chặt quan hệ dòng máu, đồng thời cũng để củng cố kỷ cương họ hàng. .:

Lý tưởng các nhà Nho là muốn có một đại gia đình. Bản gia huấn họ Nguyễn ghi rõ "Kia kia cứu thế đồng cư". Tại làng Xuân Cầu cho đến giữa thế kỷ có vài nhà treo biển "tứ đại đồng đường". Nhưng nhìn chung cấu trúc gia đình của làng này là 2 thế hệ hoặc nếu còn ông bà là 3 thế hệ. Đây cũng là cấu trúc phổ biến của cư dân nông nghiệp lúa nước và của đời sống thấp kém, chạy ăn hàng may hàng tháng. Mặc dầu vậy, mối quan hệ dòng họ đã tạo cho các gia đình liên kết lại. Dòng họ là một điểm tựa cho từng gia đình ở Xuân Cầu cũng như nhiều nơi khác. Đúng như dân gian thường nói: "Khi trái nắng trở trời, khi hòn đá gồ mờ hôi phải cần bộ hàng giúp đỡ" Hoặc cao hơn là: "một người làm quan cả họ được nhờ". *Giúp đỡ họ hàng cũng là nghĩa vụ của con người phải có*, như một qui phạm đạo đức.

Hiếu kính và hòa mục là nội dung của gia huấn họ Nguyễn. Người Việt Nam ở đâu và bất kỳ lúc nào cũng luôn luôn lo lắng đến gia đình, phải luôn luôn tìm cách củng cố phát triển gia đình. Vào cuối thế kỷ XVIII về sau nhiều biến động xã hội đã làm cho họ hàng gặp nguy cơ phân rã. Hẳn vì vậy mà gia huấn ra đời. Vào thế kỷ XVIII, XIX có các gia huấn như *Cùng đạt gia huấn* của Hồ Phi Tích, *Hành tham quan gia huấn âm* của Bùi Huy Bích, *Bùi gia huấn hài* của Bùi Dương Lịch, *Tam Đẳng Phạm đại nhân gia huấn* của Phạm Văn Nghị. . . Ngoài ra còn nhiều gia huấn dành riêng cho phụ nữ như *Cánh phụ châm*, *Khuê huấn lục*.

Có thể thấy rằng phần lớn các gia huấn xuất hiện trong các thế kỷ XVIII-XIX đều đề cao các quan niệm đạo đức Nho giáo ở mức độ khác nhau nhằm chống lại những quan niệm phi Nho giáo đang lan rộng. Gia huấn họ Nguyễn làng Xuân Cầu - *Bản tộc tương miễn quốc âm ca* cũng đề cao Nho giáo và củng cố tông tộc. Gia huấn khẳng định: "họ ta gia thế vốn nho" và kêu gọi "Con giai nên nặng công phu học hành" để có "công danh sự nghiệp", nếu sứt sức kém tài thì theo nghiệp "canh vãn nhiễm tác" (cày cấy và nhuộm). Còn con gái, gia huấn khẳng định là "cửi canh may vá" - những công việc trong nhà - giữ đạo cương thường và nhẫn nhục bởi "Cương thường chính là dầu phong hóa". Những điều khuyên *quốc âm ca* và lệ họ ghi thành văn bản trở thành *luật tục* có tính cưỡng chế.

Trong cộng đồng làng Xuân Cầu với nhiều thứ lớp (phường hội, xóm, giáp) nhiều nghề nghiệp, người phụ nữ đã đóng vai trò rất quan trọng, song vị trí của họ trong làng là thấp kém. Họ không được vào giáp, vào hội,

không được nhận ruộng công, họ không phải là "công dân" chính thức. Họ chỉ có vai trò trong gia đình: là mẹ nuôi dạy con cái, là lao động chính trong gia đình (thậm chí còn nuôi chồng và tất cả con cái). Xuân Cầu cũng như nhiều nơi khác có tục ngữ: "đức hiền tại mẫu".

Lệ giáp Đông và lệ họ Nguyễn qui định phụ nữ trong gia đình, trong họ hàng, trong làng xóm phải nhẫn nhục, chịu đựng tất cả, nghĩa là phải phục tùng trong mọi trường hợp, nghe chồng theo con, là hiền nữ, hiền mẫu. Như trên đã nói, lệ họ Nguyễn chỉ khuyến khích con trai học hành thi cử, còn con gái thì chỉ "cửi canh may vá", "an phận vu qui". . . Họ không được học hành - và càng không được thi cử, đó là một thiệt thòi. *Nhẫn nhục, phục tùng là đức tính cần có của người phụ nữ.*

Tuy nhiên, nguyên tắc phụ nữ phải phục tùng cha mẹ, chồng con và họ hàng chỉ được thực hiện ở mức độ khác nhau mà trước hết và chủ yếu ở tầng lớp quan lại, những sĩ phu khoa bảng. Phụ nữ trong các nhà quyền quý thường bị sống ngăn cách: nam và nữ, gia đình và xã hội, việc tư và việc công. Còn phần lớn phụ nữ tầng lớp dưới, là những người lao động, họ vẫn giữ quan niệm bình đẳng trong gia đình, cũng đều có trách nhiệm là chủ gia đình.

Dù vậy, đối với phụ nữ, cả tầng lớp trên và tầng lớp dưới đều có điểm chung: gia đình vẫn là cuộc sống thực sự của họ, họ sống và làm việc thực sự vì chồng và con cái. Dường như *họ sinh ra và lớn lên chỉ có nghĩa vụ*, đến việc lấy chồng, họ cũng không có quyền quyết định (cha mẹ đặt đâu con ngồi đó). Họ hiến thân cho gia đình có khi phải "tự 'nguyện'" hủy bỏ cả tình yêu chân chính (nếu chồng không có con trai, người vợ cả phải tìm vợ lẽ cho chồng). Ngày nay, nhiều cụ già Xuân Cầu vẫn còn nhớ câu ca cổ trong các bài ru trẻ:

"Gái ngoan chớ có nguyệt huê

Lẳng lơ đi lại người ta chê cười

Đoan trinh là gốc của người

Phụng dưỡng cha mẹ (chồng) cùng thời nuôi con

Mưa lòng để hại gia phong. . . "

Rõ ràng hạnh phúc của người phụ nữ trong gia đình *không hoàn toàn* là thỏa mãn những đòi hỏi cá nhân mà hầu hết cuộc đời là phải phục vụ, thậm chí phải biết hi sinh cho chồng con, phụng dưỡng cha mẹ chồng. Nền giáo dục truyền thống đó đối với phụ nữ là cố làm hòa nhập 3 yếu tố *lợi ích, tình cảm và nghĩa vụ gia đình làm một*, 3 mặt này không đối lập mà lại gắn chặt với nhau. Trong khi lệ họ, lệ giáp, khoán ước làng hạ thấp, thậm chí còn gạt phụ nữ ra khỏi một số mặt trong cuộc sống chung thì *gia đình là cuộc sống đích thực của họ. Lợi ích, tình cảm ở đây và nghĩa vụ cũng ở đây.*

Trong lệ giáp Đông thôn Tam Kỳ điều 11 có quy định nộp lang nhai tức nộp cheo cho giáp khi trai gái thành lập gia đình. Nộp "cheo" là phong tục cổ truyền trong hôn nhân của người Việt Khi lấy vợ, người chồng bắt buộc phải nộp một khoản tiền nhất định cho giáp, cho làng (vợ chồng cùng làng thường chỉ bằng 1/2 khác làng). Nhiều nơi lại quy định người chồng phải nộp gạch để lát đường làng hay nộp bát đĩa v. v. . . Sau khi nộp "cheo" đầy đủ, làm lễ mời họ hàng đến ăn uống thì hôn nhân mới hợp pháp.

Xuân Cầu cũng như nhiều nơi khác, hôn nhân không chỉ là công việc của cá nhân mà là của họ hàng, làng xã. Lấy vợ, lấy chồng cần có sự thu xếp của tộc trưởng và sự giám sát của làng. Chồng, vợ mới cưới phải có trách nhiệm trình diện với họ hàng, làng xóm và phải có lễ với nhà thờ nội ngoại, cúng gia tiên.

Trên là vài nét về gia đình truyền thống người Việt qua tư liệu làng Xuân Cầu. ở đây là những mối quan hệ đan xen, phong phú, phức tạp, có kiểu loại gia đình hạt nhân, lại có mối liên kết họ, làng. Các mối quan hệ đều được luân lý hóa, đạo đức hóa và một phần được quy chế hóa trong các khoán lệ.

Những khảo tả trên chưa thể coi là đầy đủ, song nó cũng giúp cho bạn đọc phần nào thấy được những nét chủ yếu của gia đình truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng.



Nhà khoa học Thụy Điển tìm hiểu và gia đình nông thôn Nam Bộ ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang